

# **HỢP TÁC GIỮA NGA VÀ VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC DI DÂN LAO ĐỘNG**

## **(PHẦN II: LAO ĐỘNG TỪ NGA VÀO VIỆT NAM)**

**TS. Kuznhexop N.G.**

*Viện Nghiên cứu Chính sách xã hội*

*Viện Hàn lâm khoa học Nga*

**TS. Nguyễn Cảnh Toàn**

*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

### **Lao động di cư từ Nga đến Việt Nam<sup>1</sup>**

Kể từ đầu những năm 1980, nền kinh tế của Việt Nam bắt đầu thu hút đầu tư và công nghệ tiên tiến dẫn đến một làn sóng di cư của lao động có tay nghề cao, chuyên gia kỹ thuật từ Liên Xô. Hiện nay, ở Việt Nam có 52 dự án với vốn đầu tư của Nga, tổng mức đầu tư khoảng 300 triệu đôla Mỹ. Hợp tác kinh tế giữa Nga và Việt Nam trong phát triển nhiên liệu và năng lượng phức tạp là hiệu quả nhất. Lớn nhất là công ty dầu khí "Vietsovet", thành lập năm 1981 trên cơ sở công ty dầu PetroVietnam và Zarubezhneft Nga. "Vietsovet" là một trong mười nhà sản xuất dầu hiệu quả nhất trên thế giới và là một công ty có lợi nhuận khá cao. Hàng năm, "Vietsovet" mang lại cho ngân sách của Nga đến 800 triệu đôla

Mỹ, còn các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam cung cấp đến 30% nguồn thu ngân sách của đất nước. Liên doanh sử dụng khoảng 6.000 nhân viên, trong đó 650 chuyên gia có trình độ tiếng Nga. Công ty liên doanh dầu khí Nga-Việt có viện nghiên cứu được trang bị các thiết bị nghiên cứu mới nhất và công nghệ tiên tiến, trong đó sử dụng 83 TS. và TSKH. Trong những năm qua họ đã tích lũy được những kinh nghiệm rộng lớn trong thăm dò dầu ở thềm lục địa của Việt Nam, trong đó có việc phát hiện mỏ "Bạch Hổ" có chứa dầu trong lớp đá trầm tích. Trụ sở chính "Vietsovet" nằm ở miền Nam Việt Nam, tại khu nghỉ mát Vũng Tàu với các cơ sở hạ tầng phát triển nhất, nơi có số lượng lớn người Nga làm việc tại Việt Nam. Hiện nay, tại "Làng Nga" ở Vũng Tàu có các gia đình người Nga và khoảng 1,3 nghìn công dân Nga. Trước đây, số lượng của họ đã đạt 5.000 người. Hiện nay chỉ có 10% chuyên gia Nga ở các vị trí

<sup>1</sup> Nghiên cứu được tiến hành dưới sự tài trợ của Quỹ Khoa học xã hội Nga. Dự án № 08-03-94833 a/V. 2010-2012. Báo cáo khoa học, Hội thảo khoa học quốc tế "Quan hệ Cộng hòa XHCN Việt Nam-Liên bang Nga: Lịch sử, hiện trạng và triển vọng".

quan trọng về kỹ thuật, còn đầu những năm 1980, "Vietsovetpetro" có tới 90% chuyên gia Nga trong các lĩnh vực công nghiệp dầu của Việt Nam. Cũng trong những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, người Nga ở Liên doanh này còn chiếm tới 80% trong tổng số cán bộ công nhân viên toàn xí nghiệp. Thời điểm đó, đồng lương của cán bộ công nhân viên trong ngành dầu khí còn thấp, nhưng với tinh thần đoàn kết, những người Nga ở đây đã cống hiến vô tư kể cả sức lực lẫn trí tuệ của mình để diu dắt và đào tạo một thế hệ người Việt biết làm chủ công nghệ kỹ thuật cao chuyên ngành dầu khí. Kết quả là hiện nay người Việt đã dần thay thế được người Nga, chiếm đến 90% trong tổng số cán bộ công nhân viên toàn xí nghiệp, đặc biệt là người Việt đã đảm nhiệm được hầu hết các công việc, từ quản lý đến điều hành hoặc trực tiếp sản xuất... Hiện người Nga ở Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetpetro còn khoảng 600 người trong khoảng 1.200 người Nga đang sống ở Vũng Tàu, trong đó phần lớn là các chuyên gia và công nhân giỏi. Người Nga sống rất thân thiện và đoàn kết với người Việt. Họ chiếm được cảm tình của người Việt rất nhanh.

Gần đây, tại Việt Nam đã được mở doanh nghiệp Nga và các công ty trong các

ngành công nghiệp khác. Ví dụ, nhiều doanh nhân từ Nga đã mở ra các công ty du lịch, nhà hàng, thương mại, doanh nghiệp. Thông thường, một doanh nghiệp bất kỳ của Việt Nam liên kết với doanh nghiệp Nga hoặc một số công dân Nga theo định hướng kinh doanh du lịch. Ví dụ, trong năm 2008 có một bài báo phỏng vấn tại Đà Nẵng một cặp vợ chồng di chuyển từ Vladivostok đến nơi thường trú tại Việt Nam. Họ thích những điều kiện kinh doanh tại Việt Nam, một hệ thống đơn giản, thuế thấp, nơi không có tội phạm. Họ mở một nhà hàng ẩm thực Nga nhỏ, trong đó tập trung vào khách du lịch Nga hoặc người Việt Nam sống tại Nga. Nhiều doanh nghiệp Nga mua hàng tiêu dùng, đồ trang sức, đồ chơi ở Việt Nam và đảm bảo việc gửi sang Nga, một số công việc như hướng dẫn du lịch, dịch vụ cho khách du lịch Nga. Tuy nhiên, tất cả điều này là có tổ chức (tự nhiên) các hình thức lao động di cư. Rất tiếc, tổ chức dòng chảy lao động di cư từ Nga sang Việt Nam làm việc cho đến nay còn rất yếu. Ở Đại sứ quán Liên bang Nga có mở trường dạy cho con em cán bộ nhân viên của Đại sứ quán Nga, Ucraina, Belarus và nhiều con em người Việt theo cha mẹ từ Nga về Việt Nam sống, làm việc, học tập.

*Директор школы Мещеряков  
Юрий Владимирович  
(Hiệu trưởng Mexeriakov Iuxi  
Vladimianovich)*



*Шестой класс на уроке  
труда  
(Lớp 6 trong giờ học lao  
động)*



*Выступление ко Дню  
Конституции  
(Biểu diễn văn nghệ kỷ  
niệm Ngày Hiến pháp)*

*Русская школа при посольстве России во Вьетнаме, Ханой*

*(Trường phổ thông Nga trực thuộc Đại sứ quán Nga tại Hà Nội, Việt Nam)*

Trường được tổ chức từ lớp 1 đến lớp 11 theo hệ thống giáo dục của Nga, gồm khoảng 13-14 lớp học cùng khoảng 30-40 thầy cô giáo. Mỗi lớp dao động 15-20 học sinh. Ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Nga. Ngoài ra các em còn được học thêm tiếng Anh. Tại khoa Tiếng Việt trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia có một số sinh viên Nga học tập tiếng Việt. Ngoài ra có một số không nhiều là phụ nữ Nga lấy chồng Việt và theo chồng về Việt Nam sinh sống. Những công dân Nga sống, làm việc và học tập ở Việt Nam luôn được hoan nghênh và rất nhiều trong số họ dành được nhiều thiện cảm của người dân Việt Nam. Các số liệu thống kê tuy khác nhau nhưng người ta ước tính ở Việt Nam hiện nay có khoảng 4.000-5.000 công dân Nga.

**Hợp tác Nga-Việt trong sự điều chỉnh di dân lao động**

Hiện nay, chế độ chung về ngoại kiều giữa Nga và Việt Nam được điều chỉnh bởi Hiệp định giữa chính phủ Nga và chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ ngày 28/10/1993 về điều kiện đi lại giữa hai nước của các công dân. Phù hợp với thỏa thuận này, công dân Việt Nam vào Nga cần có thị thực.

Kể từ năm 2009, Việt Nam đã đơn phương bãi bỏ thị thực cho công dân Nga đến Việt Nam 15 ngày. Tất nhiên, đây là biện pháp tích cực đã ảnh hưởng tới sự gia tăng trong dòng chảy của khách du lịch Nga đến Việt Nam, tạo điều kiện lưu trú tại Việt Nam cho những doanh nhân và nhà khoa học. Bước đi này của chính phủ Việt Nam là rất quan trọng và kịp thời, đã có tác động tích cực đến quan hệ giữa hai nước. Cơ chế điều chỉnh các quá trình di chuyển giữa Nga và Việt Nam đã có những thay đổi tích cực

khác. Tháng 10 năm 2008, trong chuyến thăm Nga chính thức của Chủ tịch nước Việt Nam đã có ba hiệp định được ký trong lĩnh vực di chuyển giữa hai nước. Nhìn lại quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga 60 năm qua có thể thấy rằng, bất luận những thăng trầm, biến thiên của lịch sử, quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước vẫn được duy trì tốt đẹp, được nâng lên tầm cao mới, đáp ứng nhu cầu của cả hai bên, phù hợp với xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác phát triển của thời đại ngày nay. Đặc biệt, trong gần 10 năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga đã có được tính ổn định và kế thừa. Có được kết quả này là do nỗ lực của cả hai phía trong việc gìn giữ, vun đắp mối quan hệ. Với Nga, việc nâng tầm mối quan hệ này là nhằm đáp ứng các lợi ích nhiều mặt của Nga không chỉ ở Việt Nam mà còn ở cả khu vực Đông Nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương, bởi Việt Nam là một trong không nhiều những đối tác thủy chung và tin cậy nhất của Nga hiện nay tại khu vực.

Đối với Việt Nam, quan hệ với Nga được coi là một mối quan hệ đặc biệt quan trọng, mang những nét đặc thù riêng biệt. Trong chuyến thăm Nga vào tháng 10-2008, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết khẳng định: "*Chính phủ và nhân dân Việt Nam rất coi trọng việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống với nước Nga, coi Nga là người bạn thủy chung, đối tác tin cậy của Việt Nam*".

Tuy nhiên, khách quan mà nói, quan hệ hai nước chưa thực sự ngang tầm đối tác chiến lược, chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu của cả hai nước, nhất là trong kinh tế - thương mại. Nhìn chung, kể từ năm 1991 đến nay, hợp tác về lĩnh vực này giữa hai bên mới chủ yếu dừng lại ở khai thác dầu khí, năng lượng và trao đổi thương mại. Trong các mối quan hệ quốc tế hiện nay, quan hệ kinh tế - thương mại là rất quan trọng, nhưng không phải là yếu tố quyết định tất cả. Dĩ nhiên, đây sẽ là mối quan hệ đối tác chiến lược lý tưởng nếu tính chất đối tác được thể hiện rõ ràng trên mọi lĩnh vực hợp tác và trong các tổ chức quốc tế mà hai nước là thành viên. Đó cũng là điều chúng ta mong muốn và đang nỗ lực cùng phía Nga đạt tới trong tương lai gần, để mối quan hệ này đáp ứng được lợi ích lâu dài của cả hai nước.

Có thể nói, mối quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga ngày nay đã lưu giữ được những giá trị tốt đẹp trong quá khứ, trong đó giá trị lớn nhất, đáng trân trọng nhất là lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau không hề suy giảm. Trên tinh thần đó, Tổng thống D. Métvêdép khẳng định: "*Nga chủ trương phát triển quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, coi trọng vị trí của Việt Nam trong chiến lược Châu Á - Thái Bình Dương theo học thuyết đối ngoại mới của Nga*", và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết cũng nhấn mạnh: "*Việt Nam coi quan hệ đối tác chiến*

lược và hợp tác toàn diện với Liên bang Nga là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của mình. Việt Nam mong muốn Nga phát triển vững mạnh, giữ vai trò là một trong những cường quốc hàng đầu, đóng góp to lớn cho hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trên thế giới". Do vậy, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng rằng quan hệ hợp tác hữu nghị Việt Nam - Liên bang Nga trong tương lai sẽ ngày càng phát triển và bền chặt.

Việt Nam và Liên bang Nga đã ký kết các văn kiện quan trọng như:

**Văn kiện thứ nhất:** Hiệp định về Các việc làm tạm thời của công dân Việt Nam ở Nga và công dân Nga tại Việt Nam. Thỏa thuận này lần đầu tiên xác định rõ các vấn đề liên quan đến công dân nhập cư, đảm bảo cho họ những quyền và tự do. Ngoài ra, thỏa thuận đã được ký kết cho phép giải quyết tình trạng di dân, theo đó người Việt Nam có thể vẫn được ở lại Nga sau sự sụp đổ của Liên bang Xô viết với thời gian dài mà không cần quy chế chính thức.

Trong văn kiện này xác định ba điều kiện đối với công dân của Việt Nam đến làm việc ở Liên Xô, theo thỏa thuận ngày 02 tháng 4 năm 1981, có thể tiếp tục sự nghiệp của mình tại Nga. Họ cần phải nhận được sự cho phép làm việc tại Nga, đáp ứng hồ sơ nhập cư theo quy định của pháp luật Nga và đăng ký với đại sứ quán hoặc lãnh sự của Việt Nam. Công dân cần phải có hộ chiếu

quốc gia hợp lệ và đáp ứng những điều kiện này trong vòng sáu tháng sau khi có hiệu lực của tài liệu này. Theo quan điểm của chúng tôi, thỏa thuận này cuối cùng cũng sẽ giải quyết tình trạng cho nhiều người Việt Nam đang hoạt động từ các nền kinh tế không chính thức, làm giảm cơ hội tham nhũng, sẽ cho phép người dân cảm thấy an toàn hơn trên lãnh thổ của Nga.

### **Văn kiện thứ hai và thứ ba**

Ngày 27/10/2008, tại Đại điện Kremli ở Mátxcova đã diễn ra cuộc hội đàm cấp cao Nga-Việt, hoạt động chính yếu trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đến LB Nga. Việt - Nga ký kết 12 văn kiện hợp tác trong đó có hai văn kiện quan trọng về vấn đề di dân:

“Hiệp định liên chính phủ về hợp tác trong đấu tranh với di dân bất hợp pháp. Hiệp định liên chính phủ về ân xá di dân (về thủ tục hồi hương công dân của nước này cư trú bất hợp pháp ở nước kia)”.

“Hiệp định liên chính phủ về hoạt động lao động mới của các công dân Việt Nam tại LB Nga và công dân LB Nga tại Việt Nam”.

Đáng tiếc, di dân bất hợp pháp và hoạt động lao động trái phép của các công dân Việt Nam trên lãnh thổ Nga đang là một thực trạng, và đây là phần việc không vui của quan hệ song phương.

Tuy nhiên, những văn kiện khá quan trọng này đã xuất hiện rất đúng lúc. Một

thỏa thuận về hợp tác trong đấu tranh chống di cư bất hợp pháp lúc này là rất cần thiết. Nó thể hiện ý chí của Nga và Việt Nam trong nỗ lực thực hiện các biện pháp để ngăn chặn di cư bất hợp pháp. Điều quan trọng là Việt Nam đã nhận trách nhiệm không chỉ đối với sự phối hợp hành động trong cuộc chiến chống nhập cư bất hợp pháp mà còn có biện pháp để ngăn chặn các dòng chảy di cư bất hợp pháp.

Ở đây có một vấn đề cần được hai chính phủ ký kết một văn kiện đảm bảo về di dân của hai nước. Chẳng hạn, chính sách đối với người nước ngoài thay đổi nhanh chóng, theo chiều hướng bất lợi cho họ, quota hàng năm của Nga không ổn định, thậm chí giảm nhanh chóng số lượng làm cho công dân Việt Nam đang kinh doanh bình thường, hợp pháp nhanh chóng trở thành bất hợp pháp vì không có quota giấy phép lao động mới, không gia hạn được hộ khẩu, trong lúc công việc sản xuất kinh doanh của họ đang dở dang, gây rất nhiều khó khăn cho Việt kiều ở đây.

Cuối cùng, **văn kiện thứ tư - thỏa thuận về dẫn độ các công dân phạm luật (readmission)**. Thông qua readmission chuyển giao cho các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước những di dân trên lãnh thổ của nước khác vi phạm pháp luật. Thỏa thuận dẫn độ này sẽ giải quyết vấn đề quá cảnh của người di cư bất hợp pháp, những người cố gắng tìm cách lấy Nga làm điểm trung

chuyển đến các nước Tây Âu. Đây có thể được gọi là bước "đột phá" cho quan hệ Nga-Việt về vấn đề di cư.

Như vậy, hợp tác trong các quy định của lao động di cư là một trong những lĩnh vực quan trọng nhất của quan hệ hợp tác giữa Nga và Việt Nam trong nhiều năm. Hiệu quả quản lý dòng chảy của lao động di cư có thể mang lại lợi ích kinh tế-xã hội cho cả hai quốc gia. Nó đã được chứng minh qua nhiều năm. Tất nhiên, không phải lúc nào sự hợp tác của hai bên đều luôn có hiệu quả. Đã có những sai lầm và tính toán sai lầm, nhưng rõ ràng trong những năm gần đây đã từng có tiến bộ rõ rệt, trở thành phương pháp phổ biến để điều chỉnh dòng chảy của công nhân nhập cư và cả hai cùng có lợi.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. *Мониторинг легальной (законной) внешней трудовой миграции за 2006-2007 годы: Сборник.* – М.: ФМС России, 2008.
2. Рязанцев С.В., *Трудовая миграция в странах СНГ и Балтии: тенденции, последствия, регулирование.* – М.: Формула права, 2007.
3. Рязанцев С.В., Кузнецов Н.Г. *Миграция из Вьетнама в Россию: тенденции и регулирование // Миграция в современной России: состояние, проблемы, тенденции: Сборник научных статей/ Под ред. К.О. Ромодановского, М.Л. Тюркина.* – М.: ФМС России, 2009.

4. Численность и миграция населения Российской Федерации в 2008 году: Статистический бюллетень. – М.: Росстат, 2009.
5. Nguyen Canh Toan. *The Realities and Urgent Problems of Vietnamese Community in Russia*. European Studies Review, №1(88)-2008
6. Рязанцев С.В., Миграция населения. Социальная и демографическая политика, № 2, 2007 год.
7. Вьетнамцы в России: Характеристика вьетнамской диаспоры в России. <http://www.vietkieu.ru/>
8. Проблема гастарбайтерства в постсоветской России - комплекс экономических, социальных и культурных проблем, вызванных большим притоком в Россию преимущественно малоквалифицированной рабочей силы из стран ближнего зарубежья и стран "третьего мира". [http://www.memoid.ru/node/Problema\\_gastarbayterstva\\_v\\_postsovetskoy\\_Rossii](http://www.memoid.ru/node/Problema_gastarbayterstva_v_postsovetskoy_Rossii)
9. Иностранцы в России, Российская газета, <http://www.rg.ru/sujet/382.html>
10. <http://www.nhatnam.ru/forum/viewtopic.php?f=9&t=93>. Русская школа при посольстве России во Вьетнаме, Ханой.
11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 82
12. Bộ Ngoại giao Việt Nam - Bộ Ngoại giao Liên bang Nga, *Việt Nam - Liên Xô, 30 năm quan hệ (1950 - 1980)*, Nxb Ngoại giao, Hà Nội, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1983, tr. 584.
13. Hoàng Liên: *Thời kỳ mới của quan hệ hữu nghị hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga*, Báo Nhân Dân, ngày 20/6/1994, tr. 4.
14. Lê Danh Vĩnh: *Đẩy mạnh quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Nga trong lĩnh vực kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật*, Tạp chí Cộng sản, số 792 (tháng 10/2008), tr. 104.
15. Những định hướng cơ bản chính sách đối ngoại của Liên bang Nga được Tổng thống D. Métvêđép thông qua ngày 12/7/2008.
16. Nga coi trọng vị trí Việt Nam trong chiến lược Châu Á - Thái Bình Dương, ngày 27-10-2008. <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/10/810504/>
17. Нгуен Кань Тоан, "Вьетнамское сообщество в России", Миграционный мост между Центральной Азией и Россией. С 167-182стр. Институт социальнополитических исследований РАН, Сборник, Москва, 2009г.